Mẫu số: 03-MSNS-BTC

UBND HUYỆN HÒN ĐẤT
BQL DỰ ÁN ĐTXD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ MÃ SỐ ĐƠN VỊ CÓ QUAN HỆ VỚI NGÂN SÁCH DÙNG CHO CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ Ở GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tên dự án đầu tư: Trường THCS Sơn Bình
Hạng mục: 4 phòng và các hạng mục khác
2. Nhóm dự án đầu tư

□ Dự án quan trọng quốc gia □ Dự án nhóm B
□ Dự án nhóm A ☒ Dự án nhóm C

3. Hình thức dự án

☒ Xây dựng mới □ Cải tạo mở rộng □ Cải tạo sửa chữa

4. Hình thức quản lý thực hiện dự án

□ Ban QLDA đầu tư xây dựng chuyên Nghành

☒ Chủ đầu tư trực tiếp thực hiện quản lý dự án

□ Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực

□ Quản lý dự án của Tổng thầu xây dựng (EPC)

□ Ban QLDA đầu tư xây dựng một dự án đối với các dự án sử dụng vốn nhà nước quy mô nhóm A có công trình cấp đặc biệt, có áp dụng công nghệ cao

□ Thuê tư vấn quản lý dự án

5. Dự án cấp trên (đối với tiểu dự án)
5.1. Tên dự án cấp trên: .....
5.2. Mã dự án cấp trên: .....
6. Chủ đầu tư
6.1 Tên chủ đầu tư: BQL dự án ĐTXD huyện Hòn Đất
6.2 Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách: 1005879
6.3 Địa chỉ chủ đầu tư:
Tỉnh, Thành phố: tỉnh Kiên Giang
Quận, huyện: huyện Hòn Đất Xã, phường: Thị trấn Hòn Đất
Địa chỉ chi tiết: Khu phố đường Hòn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang
Điện thoại: 02973.841.332
7. Ban quản lý dự án (nếu có)
77.1 Tên Ban quản lý dự án: BQL dự án ĐTXD huyện Hòn Đất, Kiên Giang
7.2 Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách: 1005879
7.3 Địa chỉ Ban quản lý dự án:

Tỉnh, Thành phố: tỉnh Kiên Giang

Quận, huyện: huyện Hòn Đất Xã, phường: Thị trấn Hòn Đất

Địa chỉ chi tiết: BQL dự án ĐTXD huyện Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang

8. Cơ quan chủ quản cấp trên

8.1 Tên cơ quan chủ quản cấp trên: UBND huyện Hòn Đất

8.2 Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách: 1019597

9. Quyết định đầu tư

9.1 Cơ quan ra quyết định: UBND huyện Hòn Đất

9.2 Số quyết định: 1445/QĐ-UBND

9.3 Ngày quyết định: Ngày 01/04/2022

9.4 Người ký quyết định: Dương Minh Tâm

9.5 Thời gian bắt đầu thực hiện được duyệt: Qúy I/2022

9.6 Thời gian hoàn thành dự án được duyệt: Qúy I/2025

9.7 Tổng mức đầu tư xây dựng công trình: **4.933.144.085 đồng**

Trong đó:

Chi phí xây dựng	:	3.613.068.844 đồng
Chi phí thiết bị (có VAT)	:	407.136.000 đồng
Chi phí quản lý dự án	:	125.209.910 đồng
Chi phí tư vấn	:	529.803.429 đồng
Chi phí khác	:	68.160.745 đồng
Chi phí dự phòng	:	189.735.157 đồng

9.8. Nguồn vốn đầu tư:

Nguồn vốn	Tỉ lệ nguồn vốn
Đầu tư công	100 %

9.9. Địa điểm thực hiện dự án:

Quốc gia	Tỉnh, thành phố	Quận, huyện	Xã, phường
Việt Nam	Kiên Giang	Hòn Đất	Xã Sơn Bình

9.10. Ngành kinh tế (nếu có):

Mã ngành kinh tế	Tên ngành kinh tế

10. Thông tin về người đại diện đăng ký mã số ĐVQHNS

10.1. Họ và tên người đại diện: Mai Phương Nga

10.2. Điện thoại cơ quan: 02973.841332

10.3. Điện thoại di động: 0963779393

10.4. Email: maiphuongnga83@gmail.com

Hòn Đất, Ngày 06 tháng 04 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

(ký tên, đóng dấu)

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG H.HÒN ĐẤT

Lương Thế Trung

ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒN ĐẤT**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1445 /QĐ-UBND	*Hòn Đất, ngày 01 tháng 4 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật
Công trình: Trường THCS Sơn Bình
Hạng mục: 4 phòng và các hạng mục khác
Địa điểm xây dựng: xã Sơn Bình, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/ 11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/ 6/2020;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/ 11/ 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở;

Căn cứ Quyết định 24/2015/QĐ-UBND ngày 09/7/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về Ban hành quy định giá cước vận chuyển hàng hóa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 2045/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc ủy quyền, phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 2430/QĐ-UBND ngày 13/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 2693/QĐ-UBND ngày 04/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc công bố ca máy tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 1945/QĐ-UBND ngày 18/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc công bố đơn giá khảo sát công trình tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Nghị Quyết số 52/NQ-HĐND, ngày 08/10/2021 của HĐND huyện Hòn Đất về việc thống nhất dự kiến danh mục kế hoạch đầu tư công năm 2022 trên địa bàn huyện Hòn Đất;

Căn cứ Công bố số 2475/CB-SXD ngày 8/11/2021, về việc công bố đơn giá vật liệu xây dựng tháng 10/2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Tờ trình số 82/TTr-KTHT ngày 30/03 /2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Trường THCS Sơn Bình, Hạng mục: 4 phòng và các hạng mục khác, đã được phòng Kinh tế và Hạ tầng thẩm định với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình: Trường THCS Sơn Bình, Hạng mục: 4 phòng và các hạng mục khác.

2. Người quyết định đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Hòn Đất .

3. Tên chủ đầu tư: BQL dự án ĐTXD huyện Hòn Đất.

4. Mục tiêu và quy mô đầu tư xây dựng:

Đầu tư xây dựng mới thêm phòng học của trường, nhằm tăng cường cơ sở vật chất cũng như thiết bị học tập phục vụ cho hệ thống giáo dục của nhà trường, đảm bảo đủ phòng học góp phần phát triển giáo dục vào đào tạo theo quy định hướng đến năm 2030; từng bước đáp ứng nhu cầu về học tập cho học sinh toàn huyện từ đó nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài cho địa phương và đất nước

Trước mắt giải quyết những khó khăn về cơ sở vật chất cho nhà trường; đáp ứng nhu cầu học tập cũng như cầu học tập cũng như giảng dạy của giáo viên và học sinh toàn trường, đảm bảo cho học sinh có đầy đủ những điều kiện cần thiết nhất trong học tập, rèn luyện.

a. *4 phòng :*

Công trình gồm 2 tầng, diện tích xây dựng 275,4m^2, diện tích sàn sử dụng 550,8 m^2, cao độ nền so với mặt sân hoàn thiện: +0,450m.

Mỗi tầng bố trí 02 phòng học, diện tích 1 phòng (8,0mx5,8m), 1 khu vệ sinh cho học sinh, và diện tích phụ gồm sảnh, hành lang, cầu thang.

b. Nhà cầu nối:

Công trình gồm 2 tầng, diện tích xây dựng 21,7m^2, diện tích sàn sử dụng 43,4 m^2, cao độ nền so với mặt sân hoàn thiện: +0,450m.

c. Sân nền, rãnh thoát nước:

+ Sân nền: 355,0m2;

+ Rãnh thoát nước: 47,0m

d. Hàng rào (lưới B40): 64,0m

Công trình Trường THCS Sơn Bình; thuộc công trình dân dụng - cấp III, với giải pháp kiến trúc là 2 tầng, diện tích xây dựng 275,4m^2, diện tích sử dụng 550,8m^2, cao độ sân nền hoàn thiện ±0.000, cao nền tầng trệt ±0.450, cao trình của đỉnh mái +9.650m.

- Chi tiết mái (M):

Lợp tole lạnh sóng vuông màu đỏ sậm, D=0,45mm;

Lớp xà gồ thép tráng kẽm hộp 50x100x1.4, khoảng cách 900mm;

Dầm xiên BTCT đá 1x2 ;

Lớp sàn BTCT 1x2 ;

Lớp vữa trát trần B5, D15;

Lớp sơn nước 3 lớp màu trắng (có bả 2 lớp matit).

- Chi tiết sàn (S):

Sàn lát gạch Ceramic 600x600; Lớp vữa lót xi măng B5, D40; Lớp sàn BTCT 1x2; Lớp vữa trát trần B5, D15; Lớp sơn nước 3 lớp (có bả 2 lớp matit).

- Chi tiết sàn (S1):

Sàn lát gạch Ceramic nhám 600x600; Lớp vữa lót B5, D40; Lớp sàn BTCT đá 1x2; Lớp vữa trát trần B5, D15; Lớp sơn nước 3 lớp (có bả 2 lớp matit).

- Chi tiết nền (N):

Nền lát gạch Ceramic 600x600; Lớp vữa lót xi măng B5, D40; Lớp BTCT 1x2 *(xem bản vẽ kết cấu);* Lớp cao su lót nền; Lớp cát tôn nền đầm chặt (k=0,85); Đất san nền đầm phẳng.

- Chi tiết nền (N1):

Nền hành lang lát gạch Ceramic nhám 600x600;Lớp vữa lót B5, D40;Lớp BTCT 1x2 ;Lớp cao su lót nền;Lớp cát tôn nền đầm chặt (k=0,85); Đất san nền đầm phẳng.

- Chi tiết nền (N2):

Nền lát gạch Ceramic nhám 600x600; Lớp vữa lót B5, D40; Lớp BTCT 1x2 ; Lớp cao su lót nền; Lớp cát tôn nền đầm chặt (k=0,85); Đất san nền đầm phẳng.

- Chi tiết nền tam cấp (TC):

Lát gạch giả đá màu xám trắng KT 600x300; Lớp vữa lót B5, D40; Lớp bậc xây gạch thẻ; Lớp BTCT 1x2*(xem bản vẽ kết cấu);* Lớp cao su lót; Lớp đất san nền đầm chặt (k=0,85);

- Chi tiết vệ sinh (WC1):

Nền lát gạch Ceramic nhám 300x300; Lớp vữa lót B5, D40;

Lớp BTCT 1x2 *(xem kết cấu);* Lớp cao su lót nền;

Lớp cát tôn nền đầm chặt (K=0,85); Đất san nền đầm phẳng.

- Chi tiết vệ sinh (WC2):

Sàn lát gạch Ceramic nhám 300x300; Lớp vữa lót xi măng B5, D40;

Quét Sikalatex chống thấm 3 lớp; Lớp sàn BTCT 1x2 ;

Lớp vữa trát trần B5, D15; Đóng trần tole sóng nhỏ D=0.42mm.

- Chi tiết sê nô (SN):

Lớp vữa tạo độ dốc B5, Dmin =20; i=3% (dốc về hướng thoát nước);

Lớp quét 3 lớp Sikalatex chống thấm; Lớp sàn BTCT đá 1x2;

Lớp vữa trát B5, D15; Lớp sơn nước 3 lớp (có bả 2 lớp matit).

- Chi tiết cầu thang (CT):

Mặt bậc lát gạch Ceramic nhám 600x300; Lớp vữa lót B5, D40;

Bậc xây gạch thẻ; Bản BTCT 1x2; Lớp vữa trát trần B5, D15; Lớp sơn nước 3 lớp (có bả 2 lớp matit).

- Chi tiết chiếu nghỉ (CN):

Lát gạch Ceramic nhám 600x600; Lớp vữa lót B5, D40; Bản BTCT 1x2 *(xem kết cấu);* Lớp vữa trát trần B5, D15; Lớp sơn nước 3 lớp (có bả 2 lớp matit).

- Chi tiết tay vịn cầu thang: tay vịn inox Þ60, thanh đứng inox Þ42, tường xây gạch ống D110.

- Chi tiết bể nước:

Đáy ốp gạch men 200x400 , Lớp vữa lót B5 có trộn Sikalatex chống thấm dày 20; Lớp sàn BTCT; Thành bể xây gạch thẻ D100; Mặt trong, mặt ngoài ốp gạch men trắng 200x400;

- Chi tiết máng tiểu:

Tường dày 110; Ốp gạch men trong + ngoài thành máng BTCT B15, dày 60; Vách ngăn tấm đá Granite 450x1000;

- Chi tiết máng rửa tay:

+ Tường dày 110; Ốp gạch men trong + ngoài thành máng BTCT B15, dày 60; Vòi nước;

- Chi tiết bục giảng:

Lát gạch Ceramic nhám 400x400, Lớp vữa lót B5, D40;

Lớp BT đá 4x6 B12.5, D110, Lớp cát đệm D120; Lớp sàn BTCT 1x2 ,Xây gạch thẻ D100;

- Chi tiết lam ngang: Lam BTCT 110x50.

- Chi tiết rãnh thoát nước hành lang: rãnh thu nước 30x50, ống thoát nước PVC Þ34

- Chi tiết hệ thống cửa:

Chi tiết cửa đi:

Cửa đi Đ1: cửa đi panô sắt sơn tỉnh điện khung, V 50x50x4+ kính trắng 5ly + phụ kiện;

Cửa đi Đ2: cửa đi panô nhôm sơn tỉnh điện trắng khung C70, kính trắng mờ 5ly+ phụ kiện;

Cửa đi Đ3: cửa đi panô nhôm sơn tỉnh điện trắng khung C70 + phụ kiện;

Cửa đi Đ4: cửa đi sắt kéo không lá sơn tỉnh điện +khung +ray+phụ kiện;

Chi tiết vách kín:

Vách kính (VK1), (VK2): vách kín cố định, nhôm sơn tĩnh điện trắng khung C70+ kính trắng 8ly.

Chi tiết Balcon: sử dụng lan can inox 304 Ø60 dày 1.65mm, tường xây gạch D110, rãnh thoát nước dọc Balcon,rộng 50 sâu 30.

Chi tiết cửa sổ:

Cửa sổ S1,S2: sử dụng cửa sổ lùa, nhôm sơn tĩnh điện trắng khung C70 , kính trắng 5ly+ phụ kiện.

14. Thời hạn sử dụng công trình: Theo quy định hiện hành.

Điều 2. Giao cho Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện là Chủ đầu tư tổ chức thực hiện dự án theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Giám đốc Kho bạc nhà nước Hòn Đất, Giám đốc Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện và thủ trưởng các ban ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

CHỦ TỊCH

Dương Minh Tâm

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND huyện;
- LĐVP, CV Mến;
- Lưu: VT, HS.